TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 867/2024/KDTM-ST
Ngày: 21-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng

2. Ông Đỗ Xuân Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích P - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 0731/2024/TLST-KDTM ngày 21/6/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2024/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Trụ sở: H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: 1. Ông Võ Ngọc Quang H (vắng mặt).

2. Ông Bùi Tiến T (có mặt).

Cùng nơi làm việc: Tầng A, I C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2.

Trụ sở: B H, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Quốc Đ, sinh năm 1983 (có mặt).

Nơi cư trú: 702 ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên lạc: 3 Đường số D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Quốc Đ, sinh năm 1983 (có mặt).

Nơi cư trú: 702 ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên lạc: 30/1 Đường D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2024 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Bùi Tiến T là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2 (gọi tắt Công ty Đ2) ký Hợp đồng cho vay số CLC-7267-01 ngày 29/11/2023, số tiền cho vay là 500.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải đường bộ.

Hợp đồng cho vay số CLC-7267-01 ngày 29/11/2023 được giải ngân theo các khế ước nhận nợ sau:

- Khế ước nhận nợ số: 301123-8951669-ONL-2 ngày 01/12/2023, số tiền vay: 70.000.000 đồng;

- Khế ước nhận nợ số: 041223-8951669-ONL-3 ngày 05/12/2023, số tiền vay: 150.000.000 đồng;

- Khế ước nhận nợ số: 061223-8951669-ONL-4 ngày 06/12/2023, số tiền vay: 200.000.000 đồng;

- Khế ước nhận nợ Số: 071223-8951669-ONL-5 ngày 07/12/2023, số tiền vay: 80.000.000 đồng.

Cả 4 Khế ước nhận nợ trên có thời hạn vay là 6 tháng và lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 16%/năm. Lãi suất được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần theo mức điều chỉnh lãi suất quy định của Ngân hàng Thương mại cổ phần V từng thời kỳ.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, Ngân hàng Thương mại cổ phần V và ông Đỗ Quốc Đ ký Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-7267-8951669-C-01 ngày 29/11/2023.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ2 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên toàn bộ khoản vay đã quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ làm việc với Công ty Đ2 để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty Đ2 vẫn chưa thanh toán. Khoản nợ của Công ty Đ2 chuyển quá hạn từ ngày 15/02/2024 và phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định.

Ngân hàng Thương mại cổ phần V khởi kiện thanh toán số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2024 là:

- Nợ gốc: 500.000.000 đồng.

- Nợ lãi: 53.536.761 đồng.

- Lãi chậm trả: 329.148 đồng.

Tổng cộng: 553.865.909 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty Đ2 vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn và lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp Công ty Đ2 không thanh toán thì ông Đỗ Quốc Đ phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty Đ2 theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2 là ông Đỗ Quốc Đ trình bày:

Bị đơn thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quá trình ký kết Hợp đồng cho vay số: CLC-7267-01 ngày 29/11/23 và giải ngân theo các khế ước nhận nợ. Ngoài ra, ông Đỗ Quốc Đ ký Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-7267-8951669-C-01 ngày 29/11/2023 đảm bảo cho hợp đồng vay trên. Bị đơn thừa nhận số nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2024 là:

- Nợ gốc: 500.000.000 đồng.

- Nợ lãi: 53.536.761 đồng.

- Lãi chậm trả: 329.148 đồng.

Tổng cộng: 553.865.909 đồng.

Công ty Đ2 có trụ sở tại B H, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty hiện vẫn còn hoạt động nhưng không còn doanh thu từ đầu năm 2024 đến nay. Chi cục thuế quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cưỡng chế thuế và phong tỏa tài khoản ngân hàng của Công ty Đ2 từ đầu tháng 4/2024. Để đảm bảo nghĩa vụ nộp thuế thì từ tháng 4/2024 Công ty Đ2 cũng đã rất cố gắng nộp thuế khắc phục cho Nhà nước.

Từ tháng 4/2024 Công ty Đ2 không thể đóng lãi cho Ngân hàng vì bị phong tỏa tài khoản. Hợp đồng với Ngân hàng hết hạn tháng 6/2024, Công ty Đ2 xin được gia hạn gốc, lãi và nhóm nợ theo Thông tư 06/2024/TT-NHNN của Ngân hàng N. Vì những khó khăn trên, bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Quốc Đ trình bày:

Ông Đỗ Quốc Đ và Ngân hàng Thương mại cổ phần V ký Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-7267-8951669-C-01 ngày 29/11/2023 đảm bảo cho Hợp đồng cho vay số: CLC-7267-01 ngày 29/11/23 giữa Ngân hàng và Công ty Đ2.

Trường hợp Công ty Đ2 không thanh toán cho Ngân hàng thì ông Đỗ Quốc Đ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty Đ2 là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng Thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn Công ty Đ2 có trụ sở tại quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số CLC-7267-01 ngày 29/11/2023 được lập và có chữ ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V với Công ty Đ2 có cơ sở xác định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán nợ gốc là 500.000.000 đồng.

Xét Hợp đồng tín dụng số CLC-7267-01 ngày 29/11/2023 được ký kết giữa Ngân hàng với Công ty Đ2, thời hạn cho vay là 12 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải đường bộ. Hợp đồng cho vay số: CLC-7267-01 ngày 29/11/2023 được giải ngân theo các khế ước nhận nợ sau:

- Khế ước nhận nợ số: 301123-8951669-ONL-2 ngày 01/12/2023, số tiền vay: 70.000.000 đồng;

- Khế ước nhận nợ số: 041223-8951669-ONL-3 ngày 05/12/2023, số tiền vay: 150.000.000 đồng;

- Khế ước nhận nợ số: 061223-8951669-ONL-4 ngày 06/12/2023, số tiền vay: 200.000.000 đồng;

- Khế ước nhận nợ Số: 071223-8951669-ONL-5 ngày 07/12/2023, số tiền vay: 80.000.000 đồng.

Cả 4 Khế ước nhận nợ trên có thời hạn vay là 6 tháng và lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 16%/năm. Lãi suất được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần theo mức điều chỉnh lãi suất quy định của Ngân hàng từng thời kỳ.

Nội dung Hợp đồng vay số CLC-7267-01 ngày 29/11/2023 phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N nên có hiệu lực.

Bị đơn vi phạm các quy định tại khoản 10 và khoản 11 Điều 1 trong Hợp đồng vay số CLC-7267-01 ngày 29/11/2023, vi phạm Điều 13 quy định về lãi suất cho vay và Điều 18 quy định về trả nợ gốc và lãi tiền vay Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N. Do đó yêu cầu thanh toán nợ gốc là 500.000.000 đồng của nguyên đơn có cơ sở nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền nợ lãi là 53.536.761 đồng, lãi chậm trả là 329.148 đồng tạm tính đến ngày 21/8/2024 và tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm theo hợp đồng cho vay đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho nguyên đơn.

Tại Bản tự khai ngày 22/7/2024 và tại phiên tòa, ông Đỗ Quốc Đ đại diện cho bị đơn Công ty Đ2 thừa nhận đã vay Ngân hàng số tiền là 500.000.000 đồng, nợ lãi là 53.536.761 đồng và lãi chậm trả là 329.148 đồng, tổng cộng là 553.865.909 đồng.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên khoản nợ của bị đơn chuyển quá hạn từ ngày 15/02/2024 và phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định. Bị đơn đề nghị trả hết nợ gốc trên và thương lượng thanh toán tiền lãi với nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại điểm 10 Điều 1 của Hợp đồng cho vay. Ngân hàng chuyển số nợ gốc sang quá hạn và tính lãi quá hạn là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 13 và Điều 18 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N và Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi phát sinh từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Đ sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho Công Phước Đ1, nếu khi đến thời hạn mà bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ đối với Ngân hàng.

Căn cứ vào các Điều 335, 336 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

Điều 335. Bảo lãnh

Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.

Các bên có thể thỏa thuận về việc bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh trong trường hợp bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Điều 336. Phạm vi bảo lãnh

Bên bảo lãnh có thể cam kết bảo lãnh một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ cho bên được bảo lãnh.

Nghĩa vụ bảo lãnh bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, lãi trên số tiền chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Các bên có thể thỏa thuận sử dụng biện pháp bảo đảm bằng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Trường hợp nghĩa vụ được bảo lãnh là nghĩa vụ phát sinh trong tương lai thì phạm vi bảo lãnh không bao gồm nghĩa vụ phát sinh sau khi người bảo lãnh chết hoặc pháp nhân bảo lãnh chấm dứt tồn tại.

Ông Đỗ Quốc Đ thừa nhận bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang của ông theo Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-7267-8951669-C-01 ngày 29/11/2023 giữa ông và Ngân hàng. Trường hợp bị đơn Công ty Đ2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, dựa theo Hợp đồng bảo lãnh số CLC-7267-8951669-C-01 ngày 29/11/2023, ông Đ sẽ phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty Đ2 theo các Hợp đồng bão lãnh đã ký với Ngân hàng.

Từ những căn cứ trên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần V buộc ông Đỗ Quốc Đ thực hiện nghĩa vụ thay cho Công ty Đ2 nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà Công ty Đ2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Công ty Đ2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.154.636 đồng.

- Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại cho Ngân hàng số tiền 12.616.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0029622 ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ Điều 335 và Điều 336 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 43, Điều 44 Nghị định 12/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ;

- Căn cứ Điều 13, Điều 18 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014),

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2 thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2024 là 553.865.909 (năm trăm năm mươi ba triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm lẻ chín đồng), nợ lãi là 53.536.761 (năm mươi ba triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi mốt đồng) và lãi chậm trả là 329.148 (ba trăm hai mươi chín nghìn một trăm bốn mươi tám đồng) theo Hợp đồng vay số CLC-7267-01 ngày 29/11/2023 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ trên thì ông Đỗ Quốc Đ phải thực hiện nghĩa vụ thay cho Công ty Đ2 theo Hợp đồng bảo lãnh số CLC-7267-8951669-C-01 ngày 29/11/2023 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V và ông Đỗ Quốc Đ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.154.636 (hai mươi sáu triệu một trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng).

- Ngân hàng Thương mại cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại cho Ngân hàng số tiền 12.616.000 (mười hai triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0029622 ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số: CLC-7267-01 ngày 29/11/2023 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Quỳnh